

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/DS-ST
Ngày: 28/11/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Tiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhân;
2. Bà Võ Thị Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đại Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2018/TLST - DS ngày 17 tháng 9 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131b/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2018/QĐST-DS ngày 12/11/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Quang Đ, sinh năm 1987, nơi cư trú: nơi công tác: Trạm kiểm soát Biên phòng V, địa chỉ: Khóm C, phường V, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Trần Thị Hồng T, sinh năm 1983, nơi cư trú: số 597, 599, khóm C, phường V, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang

Ông Đ có mặt, bà T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Quang Đ trình bày: Do quen biết nên ông Đ có cho bà T vay tiền 02 lần cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 03/8/2017, vay 100.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng (tương đương 5.000.000 đồng/tháng), thời hạn vay 12 tháng (từ ngày

03/8/2017 đến ngày 03/8/2018), có lập biên nhận nợ. Quá trình vay bà T trả lãi không đầy đủ, từ tháng 9/2017 đến tháng 4/2018 chỉ trả lãi được 27.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay.

Lần thứ hai: Ngày 19/9/2017, bà T tiếp tục vay 300.000.000 đồng, tiền lãi mỗi tháng 22.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 19/9/2017 đến ngày 19/9/2018), có lập biên nhận nợ. Quá trình vay, bà T cũng trả lãi không đầy đủ tính từ tháng 9/2017 đến tháng 4/2018, bà T chỉ trả lãi được 88.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay.

Do bà T không thực hiện đúng thỏa thuận nên ông Đ khởi kiện yêu cầu bà T có trách nhiệm trả vốn vay 400.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ tháng 5/2018.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị Hồng T trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn về thời điểm vay, vốn vay, lãi suất vay, thời hạn vay và có lập biên nhận nợ. Tuy nhiên, không thống nhất về tiền lãi đã trả đối với 02 khoản vay, đối với khoản vay 100.000.000 đồng, bà T đã trả lãi từ tháng 10/2017 đến tháng 6/2018 được 45.000.000 đồng, đối với khoản vay 300.000.000 đồng, tiền lãi phải trả mỗi tháng là 23.000.000 đồng và bà đã trả lãi được 9 tháng (từ tháng 10/2017 đến tháng 06/2018) với số tiền 207.000.000 đồng. Tổng cộng tiền lãi bà T đã trả cho ông Đ đối với 02 khoản vay là 252.000.000 đồng. Khi trả lãi, bà T chuyển khoản qua Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Châu Đốc và Ngân hàng Công thương – Chi nhánh Châu Đốc, các hóa đơn, chứng từ chuyển tiền cho ông Đ bà T không còn lưu giữ, bà T không yêu cầu xem xét đối với số tiền lãi đã trả cho ông Đ.

Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà T xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ vốn vay 400.000.000 đồng và yêu cầu không tiếp tục tính lãi.

Tòa án đã mở phiên hòa giải do các đương sự không thống nhất phương thức thanh toán nên hòa giải không thành.

* Tại phiên tòa,

- Ý kiến của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày tại giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài ra, nguyên đơn xác định đã cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp bổ sung.

- Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình do pháp luật quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản giữa ông Trần Quang Đ và bà Trần Thị Hồng T được thực hiện trên cơ sở tự nguyện nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Bà T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi và vốn vay khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, ông Đ yêu cầu bà T có trách nhiệm trả vốn vay 400.000.000 đồng một lần là có căn cứ. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Đ.

Về tiền lãi đã trả, nguyên đơn cho rằng từ khi vay bị đơn đã trả tiền lãi của 02 khoản vay đến tháng 4/2018 thì ngưng với tổng số tiền lãi là 115.000.000 đồng, bị đơn cho rằng đã trả tiền lãi được 09 tháng với tổng số tiền là 252.000.000 đồng nhưng lời khai của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận và cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh. Đề nghị hội đồng chấp nhận lời khai của nguyên đơn. Tuy nhiên, lãi suất thỏa thuận cho vay cao hơn so với quy định tại Điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh tiền lãi đã trả, khấu trừ vào vốn vay theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn tính lãi kể từ thời điểm bị đơn ngưng trả tiền lãi là phù hợp với quy định pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bị đơn bà Trần Thị Hồng T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Vĩnh Nguơn, thành phố Châu Đốc nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Trần Thị Hồng T nhưng bà T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[3] Hợp đồng vay tiền giữa ông Trần Quang Đ và bà Trần Thị Hồng T được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

[4] *Về khoản nợ vay:*

Nguyên đơn ông Trần Quang Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Hồng T có trách nhiệm trả vốn vay 400.000.000 đồng. Lời khai của bà T tại các

biên bản ghi lời khai ngày 05/10/2018 và biên bản hòa giải ngày 11/10/2018. Bị đơn bà T thừa nhận còn nợ vốn vay của ông Trần Quang Đ số tiền 400.000.000 đồng.

Tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”*.

Đối chiếu với quy định nêu trên thấy rằng giữa ông Đ và bà T có thỏa thuận giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản là tiền được thể hiện qua biên nhận nợ ngày 03/8/2017, ngày 19/9/2017 (BL số 11,10). Theo đó, ông Đ đã giao số tiền vốn vay cho bà T hai lần với tổng số tiền là 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng nhưng đến nay bà T vi phạm nghĩa vụ trả tiền lãi và trả vốn khi đến hạn. Xét, buộc bà T có trách nhiệm trả cho vốn vay cho ông Đ như theo quy định tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[5] Về lãi suất cho vay:

Nguyên đơn xác định lãi suất cho vay đối với khoản vay 300.000.000 đồng là 22.000.000 đồng/tháng. Bị đơn cho rằng, tiền lãi đối với khoản vay 300.000.000 đồng mỗi tháng là 23.000.000 đồng nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh. Do đó, chấp nhận lời khai của nguyên đơn tiền lãi cho vay là 22.000.000 đồng/tháng.

[5] Về thời gian và tiền lãi đã trả:

Nguyên đơn ông Đ cho rằng lãi suất vay là 5%/tháng (tương đương 5.000.000 đồng/tháng) đối với khoản vay 100.000.000 đồng. Đối với khoản vay 300.000.000 đồng, tiền lãi là 22.000.000 đồng/tháng. Sau khi vay tiền 04 tháng đầu thì bà T trả tiền lãi đầy đủ, đến những tháng sau thì trả không đúng như thỏa thuận, đến tháng 4/2018 thì bà T ngưng trả tiền lãi và việc trả tiền lãi không lập biên nhận nên ông Đ xác định chỉ nhận tiền lãi 27.000.000 đồng đối với khoảng vay 100.000.000 đồng và 88.000.000 đồng đối với khoảng vay 300.000.000 đồng.

Bà T cho rằng đối với vốn vay 100.000.000 đồng, bà T đã trả lãi được 45.000.000 đồng (9 tháng x 5.000.000 đồng); đối với khoảng vay 300.000.000 đồng đã trả lãi được 207.000.000 đồng (9 tháng x 23.000.000 đồng) nhưng không được nguyên đơn chấp nhận và bà T cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh. Xét chấp nhận lời khai của nguyên đơn ông Trần Quang Đ về việc bị đơn chỉ trả tiền lãi đến 4/2018 thì ngưng với tổng số tiền lãi là 115.000.000 đồng.

Tại khoản 5 Điều 466 Luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:*

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”

Đối chiếu với quy định nêu trên, thấy rằng bị đơn bà T đã trả tiền lãi nhiều hơn quy định pháp luật (20%/năm) nên số tiền lãi đã trả thừa được khấu trừ vào vốn vay, cụ thể như sau:

- Khoản vay ngày 03/8/2017, vốn vay 100.000.000 đồng;

Tiền lãi mà bà T đã trả từ ngày 03/8/2017 đến hết ngày 03/4/2018 với số tiền là: 27.000.000 đồng;

Tiền lãi theo quy định pháp luật: $100.000.000 \text{ đồng} \times 8 \text{ tháng} \times 1.66\% = 13.280.000 \text{ đồng}$.

Tiền lãi chênh lệch: $27.000.000 \text{ đồng} - 13.280.000 \text{ đồng} = 13.720.000 \text{ đồng}$.

Khấu trừ vào vốn vay: $100.000.000 \text{ đ} - 13.720.000 \text{ đ} = 86.280.000 \text{ đồng}$
(1)

- Khoản vay ngày 19/9/2017, vốn vay 300.000.000 đồng;

Tiền lãi mà bà T đã trả từ ngày 19/9/2017 đến hết ngày 19/4/2018 với số tiền là: 88.000.000 đồng.

Tiền lãi theo quy định pháp luật: $300.000.000 \text{ đồng} \times 7 \text{ tháng} \times 1.66\% = 34.860.000 \text{ đồng}$

Tiền lãi chênh lệch: $88.000.000 \text{ đồng} - 34.860.000 \text{ đồng} = 53.140.000 \text{ đồng}$.

Khấu trừ vào vốn vay: $300.000.000 \text{ đ} - 53.140.000 \text{ đồng} = 246.860.000 \text{ đồng}$ (2)

Bên cạnh yêu cầu trả nợ vốn, ông Đ còn yêu cầu bà T trả lãi theo quy định pháp luật từ ngưng trả tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm 28/11/2018, cụ thể như sau:

Tiền lãi của vốn vay ngày 03/8/2017 (từ ngày 03/5/2018 đến ngày 28/11/2018) là: $86.280.000 \text{ đồng} \times 2.49\% \times 7 \text{ tháng} 24 \text{ ngày} = 16.757.301 \text{ đồng}$ (3).

Tiền lãi của vốn vay ngày 19/9/2017 (từ ngày 19/5/2018 đến ngày 28/11/2018) là: $246.860.000 \text{ đồng} \times 2.49\% \times 7 \text{ tháng} 9 \text{ ngày} = 44.871.742 \text{ đồng}$ (4).

Như vậy, bà T có trách nhiệm trả cho ông Đ vốn 333.140.000 đồng (86.280.000 đồng + 246.860.000 đồng) và tiền lãi (3) + (4) = 16.757.301 đồng + 44.871.742 đồng = 61.629.043 đồng.

Về phương thức thanh toán bị đơn xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng nhưng không được nguyên đơn chấp nhận. Do đó, phương thức thanh toán sẽ được tiếp tục xem xét ở giai đoạn thi hành án.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Bà T có trách nhiệm trả nợ 394.769.043 đồng nên phải chịu án phí là 19.738.452 đồng (394.769.043 đồng x 5%) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Ông Trần Quang Đ được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho ông Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang Đ.

Buộc bà Trần Thị Hồng T có trách nhiệm trả cho ông Trần Quang Đ số tiền 394.769.043 (*ba trăm chín mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn không trăm bốn mươi ba*) đồng (trong đó vốn 333.140.000 đồng và tiền lãi 61.629.043 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[2] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Bà Trần Thị Hồng T phải chịu 19.738.452 (*mười chín triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi hai*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Quang Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho ông Đ số tiền 10.000.000 (*mười triệu*) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0007548 ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

[3] *Về quyền kháng cáo:*

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Tiên